

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trí**

2. Ông **Lê Đức Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2021/QĐST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại C;**

Trụ sở: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà **Thaiholdings Town**, số **210 T**, phường **T**, quận **H**, thành phố **Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Ngọc H** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **M Đức M** - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt – Chi nhánh An Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông **M Đức M**:*

Ông **Nguyễn Ngọc H** – Phó trưởng phòng khách hàng – **Ngân hàng B– Chi nhánh An G** (Có mặt);

Địa chỉ: Số 1100 **T**, phường **M**, thành phố **L**, tỉnh **An Giang** (Giấy ủy quyền số 9801A/2021/UQ-LiemvietPostBank,AG ngày 26/01/2021).

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Trúc M** – Sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp **Mỹ T**, xã **M**, huyện **C**, tỉnh **An Giang**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai đại diện theo ủy quyền **Ngân hàng thương mại cổ phần B** ông **Nguyễn Ngọc H** trình bày, **Ngân hàng thương mại cổ phần B** – Chi nhánh A (sau đây gọi là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số HĐTD9102017944 vào ngày 25/9/2017 và nhận nợ theo khế ước 9102017944/001 với bà **Lê Thị Trúc M** số tiền vay 100.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11,65%/năm, phương thức trả nợ gốc và lãi cố định vào ngày 20 hàng tháng. Hợp đồng giải ngân ngày 25/9/2017. Sau khi vay, bà **O** có trả được số tiền vốn 61.790.016đ, thì ngưng không trả vốn lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà **M** trả nợ, nhưng bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện bà **M** còn nợ Ngân hàng vốn 38.209.984đ và lãi trong hạn 2.042.541đ; lãi quá hạn 409.376đ, phạt chậm trả lãi 47.631đ, tổng cộng 40.709.533đ.

Nay **Ngân hàng thương mại cổ phần B** yêu cầu bà **M** trả tiền vốn 38.209.984đ, lãi tính đến ngày xét xử 2.499.549đ, tổng cộng 40.709.533đ và tính lãi phát sinh từ ngày 30/4/2021 theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số HĐTD9102017944 ngày 25/9/2017 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà **Lê Thị Trúc M** trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập giải quyết, nhưng bà **M** vắng mặt không lý do chính đáng nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông **Nguyễn Ngọc H** vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bà **Lê Thị Trúc M** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng bà **M** vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Việc tranh chấp giữa các đương sự về Hợp đồng tín dụng, chủ thể một bên là Ngân hàng và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Bà **Lê Thị Trúc M** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Lê Thị Trúc M** là có căn cứ.

[2]- Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần B** với bà **Lê Thị Trúc M** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.1]- Căn cứ theo hợp đồng nêu trên, thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bà **M** đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký

kết. Việc Ngân hàng khởi kiện bà **M** yêu cầu phải thanh toán vốn, lãi còn nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, do đó chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà **Lê Thị Trúc M** phải có nghĩa vụ thanh toán cho phía Ngân hàng tiền vốn và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử 30/4/2021 (có bảng lãi kèm theo) là 40.709.533đ, trong đó nợ vốn gốc là 38.209.984đ, lãi là 2.499.549đ.

[2.2]- Về lãi suất từ sau thời điểm xét xử, tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn có yêu cầu bên vay là bà **M** phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu trên là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Buộc bà **Lê Thị Trúc M** phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 25/9/2017 cho đến khi trả hết nợ vốn cho Ngân hàng.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà **Lê Thị Trúc M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Các Điều Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, **227, 273** của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần B**.

Buộc bà **Lê Thị Trúc M** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** tiền vốn là 38.209.984đ (Ba mươi tám triệu, hai trăm lẻ chín ngàn, chín trăm tám mươi bốn đồng) và lãi 2.499.549đ (Hai triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi chín đồng), tổng cộng 40.709.533đ (Bốn mươi triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn, năm trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày 30/4/2021 bà **Lê Thị Trúc M** phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết số HĐTD9102017944 ngày 25/9/2017 cho đến khi trả hết nợ vốn cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B**. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Ngân hàng Thương mại C** thì lãi suất mà bà **Lê Thị Trúc M** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại C** theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của **Ngân hàng Thương mại C**.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lê Thị Trúc M** phải chịu là 2.035.000đ (Hai triệu, không trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** là 971.000đ (Chín trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu số 009132 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức